|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM**  Số: /2023/TT-NHNN  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP* *ngày 27 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư 28/2015/TT-NHNN).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2015/TT-NHNN**

### Khoản 5 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. “Tổ chức quản lý thuê bao” là các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước hoặc các tổ chức khác đề nghị cấp chứng thư số cho thuê bao thuộc đơn vị, tổ chức của mình.”

### Điều 4a Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-NHNN ngày 02/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-NHNN (sau đây gọi tắt là Thông tư 10/2020/TT-NHNN)) được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 4a. Cách thức gửi, nhận hồ sơ, văn bản, báo cáo liên quan đến dịch vụ chứng thực chữ ký số và kết quả xử lý**

1. Tổ chức quản lý thuê bao gửi hồ sơ, văn bản, báo cáo liên quan đến chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) thông qua một trong các phương thức sau:

a) Phương thức điện tử qua Hệ thống dịch vụ công;

b) Văn bản giấy nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. Ngân hàng Nhà nước (Cục Công nghệ thông tin) chỉ tiếp nhận, xử lý văn bản giấy trong các trường hợp sau đây:

- Hệ thống dịch vụ công gặp sự cố không thể hoạt động được;

- Tổ chức quản lý thuê bao chưa được cấp chứng thư số có nghiệp vụ dịch vụ công hoặc chứng thư số hết hiệu lực hoặc thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao bị hỏng.

2. Gửi hồ sơ, văn bản, báo cáo liên quan đến chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số Ngân hàng Nhà nước

a) Trường hợp gửi hồ sơ, văn bản, báo cáo bản giấy:

Tổ chức quản lý thuê bao có quyền lựa chọn gửi bản gốc hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu.

b) Trường hợp gửi hồ sơ, văn bản, báo cáo điện tử:

Các hồ sơ, văn bản, báo cáo (trừ các văn bản, báo cáo là các Phụ lục của Thông tư đã được chuyển đổi thành các biểu mẫu điện tử trên Hệ thống dịch vụ công) gửi qua Hệ thống dịch vụ công, tổ chức quản lý thuê bao gửi bản điện tử được số hóa từ bản gốc (tập tin định dạng PDF) và được người có thẩm quyền của tổ chức quản lý thuê bao ký số sử dụng chứng thư số của CA-NHNN.

3. Cục Công nghệ thông tin gửi thông báo kết quả xử lý, lý do từ chối trong trường hợp hồ sơ không được chấp thuận đến tổ chức quản lý thuê bao bằng phương thức điện tử qua Hệ thống dịch vụ công. Trường hợp Hệ thống dịch vụ công gặp sự cố, thông báo kết quả được gửi đến: (i) tổ chức quản lý thuê bao qua dịch vụ bưu chính hoặc (ii) địa chỉ thư điện tử của thuê bao và cá nhân hoặc bộ phận đầu mối phụ trách quản lý chứng thư số của tổ chức quản lý thuê bao.”

### Điều 5 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 5. Cấp chứng thư số**

1. Khi có nhu cầu cấp chứng thư số hoặc bổ sung nghiệp vụ, tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ bao gồm:

a) Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho cá nhân là người có thẩm quyền:

- Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho cá nhân theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Văn bản chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức như sau:

+ Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật đối với người được ủy quyền theo quy định của pháp luật (đối với người được cấp chứng thư số là người đại diện ủy quyền);

+ Quyết định bổ nhiệm của người đại diện theo pháp luật (đối với cơ quan nhà nước).

b) Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho cá nhân là người được người có thẩm quyền ủy quyền:

- Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho cá nhân theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quyết định bổ nhiệm của người đại diện theo pháp luật (đối với cơ quan nhà nước);

- Văn bản ủy quyền của người có thẩm quyền cho phép người được ủy quyền (người đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số) đại diện cho tổ chức ký duyệt hồ sơ, văn bản, tài liệu, báo cáo, giao dịch trên hệ thống thông tin tương ứng với nghiệp vụ của chứng thư số đề nghị cấp. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện.

c) Cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho tổ chức:

- Giấy đề nghị cấp, bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho tổ chức theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp chứng thư số đã được cấp và còn hiệu lực được tổ chức quản lý thuê bao đề nghị bổ sung nghiệp vụ chứng thư số, Cục Công nghệ thông tin thực hiện bổ sung nghiệp vụ cho chứng thư số hiện có của thuê bao.

3. Trường hợp cấp chứng thư số sau khi chứng thư số cũ hết hiệu lực hoặc chứng thư số đã bị thu hồi, thuê bao có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì thực hiện thủ tục cấp mới chứng thư số theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin thực hiện cấp chứng thư số hoặc bổ sung nghiệp vụ chứng thư số cho thuê bao, gửi thông báo cấp chứng thư số và mã kích hoạt chứng thư số đến địa chỉ thư điện tử và tin nhắn đến số điện thoại di động của thuê bao. Đối với chứng thư số cho tổ chức, Cục Công nghệ thông tin gửi thông báo cấp chứng thư số và mã kích hoạt chứng thư số đến địa chỉ thư điện tử và tin nhắn đến số điện thoại di động của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư số của tổ chức quản lý thuê bao theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4a Thông tư này.

5. Mã kích hoồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý ừ ngày chứng thư số được cấp. Đối với chứng thư số được cấp mới, thuê bao phải kích hoạt chứng thư số trước thời điểm hết hiệu lực của mã kích hoạt. Tài liệu hướng dẫn kích hoạt, gia hạn chứng thư số của Ngân hàng Nhà nước được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước. Đối với chứng thư số được bổ sung nghiệp vụ, thuê bao không ph không hợp lệ, Cục Công ng

6. Thời hạn hiệu lực chứng thư số của thuê bao do tổ chức quản lý thuê bao đề nghị nhưng không quá 05 năm kể từ ngày chứng thư số được kích hoạt.”

### Điều 6 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 6. Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số**

1. Chứng thư số đề nghị gia hạn hoặc thay đổi nội dung thông tin phải đảm bảo còn hiệu lực.

2. Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số:

a) Chứng thư số sau khi gia hạn sẽ có thời hạn hiệu lực tính từ thời điểm thực hiện gia hạn thành công nhưng tối đa không quá 05 năm;

b) Việc thay đổi nội dung thông tin chứng thư số không làm thay đổi thời hạn có hiệu lực của chứng thư số.

3. Trường hợp gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số:

a) Tổ chức quản lý thuê bao đề nghị gia hạn chứng thư số của thuê bao trước thời điểm hết hiệu lực của chứng thư số ít nhất 10 ngày;

b) Tổ chức quản lý thuê bao đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số của thuê bao trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có các thay đổi sau:

- Thuê bao thay đổi chức danh, chức vụ hoặc bộ phận công tác. Trường hợp thuê bao thay đổi đơn vị/chi nhánh công tác khác, tổ chức quản lý thuê bao thực hiện thủ tục thu hồi chứng thư số tại đơn vị/chi nhánh công tác cũ và thực hiện cấp chứng thư số tại đơn vị/chi nhánh công tác mới cho thuê bao (nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng);

- Thuê bao thay đổi thông tin số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu;

- Thuê bao thay đổi thông tin địa chỉ, email, điện thoại.

4. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số gồm Giấy đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung chứng thư số hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin thực hiện gia hạn hoặc thay đổi nội dung chứng thư số cho thuê bao. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4a Thông tư này.

Nhận được thông báo chấp thuận gia hạn chứng thư số, thuê bao thực hiện gia hạn chứng thư số theo tài liệu hướng dẫn kích hoạt, gia hạn chứng thư số được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.”

### Điều 7 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 7. Tạm dừng chứng thư số**

1. Chứng thư số của thuê bao bị tạm dừng khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức quản lý thuê bao gửi hồ sơ đề nghị tạm dừng chứng thư số tới Cục Công nghệ thông tin;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Cục Công nghệ thông tin phát hiện ra bất cứ sai sót, sự cố nào có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao hoặc an ninh, an toàn của Hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2. Thời gian tạm dừng chứng thư số theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo yêu cầu của tổ chức quản lý thuê bao. Thời gian tạm dừng chứng thư số theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông. Thời gian tạm dừng chứng thư số theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đến khi những sai sót, sự cố đó đã được khắc phục.

3. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ tạm dừng chứng thư số gồm Giấy đề nghị tạm dừng chứng thư số theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị tạm dừng chứng thư số hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tiến hành tạm dừng chứng thư số của thuê bao và thông báo kết quả xử lý cho tổ chức quản lý thuê bao. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4a Thông tư này;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tiến hành tạm dừng chứng thư số và thông báo bằng văn bản thời gian, lý do tạm dừng chứng thư số cho tổ chức quản lý thuê bao.”

### Điểm d khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Chứng thư số bị tạm dừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Thông tư này và những sai sót, sự cố đó đã được khắc phục.”

“3. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị khôi phục chứng thư số theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này gồm Giấy đề nghị khôi phục chứng thư số theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị khôi phục chứng thư số hợp lệ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin thực hiện khôi phục chứng thư số cho thuê bao. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4a Thông tư này;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tự động khôi phục chứng thư số cho thuê bao.”

### Điều 9 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 9. Thu hồi chứng thư số**

1. Tổ chức quản lý thuê bao có thể đề nghị thu hồi chứng thư số hoặc hủy bỏ một số nghiệp vụ chứng thư số của thuê bao. Trường hợp thu hồi chứng thư số, toàn bộ nghiệp vụ chứng thư số của thuê bao bị thu hồi.

2. Chứng thư số của thuê bao bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Theo đề nghị thu hồi chứng thư số của tổ chức quản lý thuê bao;

c) Tổ chức quản lý thuê bao có quyết định thu hồi giấy phép hoạt động, chia, tách, sáp nhập, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

d) Có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng khoá bí mật và thiết bị lưu giữ khoá bí mật;

đ) Chứng thư số hết hiệu lực sử dụng.

3. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị thu hồi chứng thư số theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này gồm Giấy đề nghị thu hồi, hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư số theo Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết và kết quả thực hiện

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị thu hồi chứng thư số theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin thực hiện kiểm tra hồ sơ, thu hồi hoặc hủy bỏ nghiệp vụ chứng thư số cho thuê bao. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4a Thông tư này;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều này, Cục Công nghệ thông tin tự động thu hồi chứng thư số của thuê bao.”

### Điều 11 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Trường hợp cần thay đổi cặp khóa của thuê bao:

Chứng thư số của thuê bao còn hiệu lực sử dụng. Tuy nhiên, cặp khóa lưu trong thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao không thể tiếp tục sử dụng do thiết bị lưu khóa bị hỏng hoặc do cặp khóa đã bị xóa khỏi thiết bị hoặc nguyên nhân khác dẫn tới bị lỗi cặp khóa.

2. Tổ chức quản lý thuê bao gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị thay đổi cặp khóa gồm Giấy đề nghị thay đổi cặp khóa chứng thư số theo Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi cặp khóa hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin thực hiện thay đổi cặp khóa, gửi thông báo thay đổi cặp khóa và mã kích hoạt chứng thư số đến địa chỉ thư điện tử và tin nhắn đến số điện thoại di động của thuê bao. Đối với chứng thư số cho tổ chức, Cục Công nghệ thông tin gửi thông báo thay đổi cặp khóa và mã kích hoạt chứng thư số đến địa chỉ thư điện tử và tin nhắn đến số điện thoại di động của cán bộ đầu mối phụ trách về chứng thư số của tổ chức quản lý thuê bao theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Công nghệ thông tin từ chối xử lý hồ sơ và nêu rõ lý do. Thông tin phản hồi và kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4a Thông tư này.

Nhận được mã kích hoạt chứng thư số, thuê bao thực hiện kích hoạt chứng thư số để tạo cặp khóa mới trước thời điểm hết hiệu lực của mã kích hoạt theo tài liệu hướng dẫn kích hoạt, gia hạn chứng thư số được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.”

### Khoản 7, khoản 10 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“7. Đảm bảo kênh thông tin tiếp nhận yêu cầu cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hoạt động 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.”

“10. Cung cấp và cập nhật các thông tin về phần mềm, tài liệu hướng dẫn về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.”

### Khoản 2 Điều 15 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Quản lý, sử dụng khóa bí mật, thiết bị lưu khóa bí mật:

- Sử dụng đúng chủng loại thiết bị lưu khóa bí mật theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;

- Bảo quản và sử dụng mã khoá truy cập thiết bị, khóa bí mật và các dữ liệu trong thiết bị lưu khoá bí mật một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng;

- Không chia sẻ, cho mượn mã khóa truy cập thiết bị, thiết bị lưu khóa bí mật. Khi nghỉ việc, chuyển công tác hoặc thay đổi vị trí công tác, yêu cầu công việc không cần sử dụng chứng thư số phải hủy dữ liệu trong thiết bị lưu khóa bí mật và bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật cho tổ chức quản lý thuê bao;

- Không được sử dụng các công cụ, chương trình, phần mềm hay bất cứ hình thức nào khác để can thiệp, chỉnh sửa, thay đổi thông tin khóa bí mật, các dữ liệu trong thiết bị lưu khóa bí mật hoặc cố ý làm hư hỏng thiết bị lưu khóa bí mật.

- Thông báo kịp thời cho tổ chức quản lý thuê bao của mình trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ chứng thư số, khóa bí mật không còn an toàn; thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc, bị lỗi, hỏng không thể sử dụng.”

### Điều 17 Thông tư 28/2015/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 17. Chế độ báo cáo**

Tổ chức quản lý thuê bao có trách nhiệm gửi báo cáo về Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Báo cáo định kỳ

a) Tên báo cáo: Báo cáo đối soát danh sách chứng thư số Ngân hàng Nhà nước;

b) Nội dung báo cáo:

- Thống kê chứng thư số và tình trạng sử dụng;

- Đối chiếu danh sách chứng thư số đã được Cục Công nghệ thông tin cấp so với nhu cầu sử dụng và thông tin thực tế tại tổ chức quản lý thuê bao và báo cáo danh sách chứng thư số chưa khớp đúng.

c) Đối tượng thực hiện: Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số Ngân hàng Nhà nước;

d) Cơ quan, đơn vị nhận báo cáo: Cục Công nghệ thông tin – Ngân hàng Nhà nước;

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo:

- Việc gửi, nhận báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4a Thông tư này;

- Tổ chức quản lý thuê bao gửi báo cáo đối soát chứng thư số qua Hệ thống dịch vụ công theo đề cương báo cáo tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Tần suất, thời hạn gửi báo cáo: định kỳ hàng năm, chậm nhất vào ngày 20 tháng 12 năm báo cáo;

g) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Ngân hàng Nhà nước.”

## Điều 2.

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 15 Thông tư 28/2015/TT-NHNN.

2. Bãi bỏ Phụ lục 01 ban hành kèm theo 28/2015/TT-NHNN (được thay thế bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư 10/2020/TT-NHNN).

3. Thay thế Phụ lục 02, 02a, 03, 04, 05, 06, 07, 08 ban hành kèm theo Thông tư 10/2020/TT-NHNN bằng các Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 tương ứng ban hành kèm theo Thông tư này.

## Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

## Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm .

2. Thông tư này bãi bỏ khoản 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14, 16 Điều 1 Thông tư 10/2020/TT-NHNN./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Ban Lãnh đạo NHNN;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);  - Công báo;  - Lưu: VP, PC, CNTT. | **KT. THỐNG ĐỐC**  **PHÓ THỐNG ĐỐC**  **Phạm Tiến Dũng** |